

Số: 93/2022/QĐST-HNGĐ

D, ngày 20 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Yến V**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Nhon K, xã Sa N, huyện Sa T, tỉnh Kon Tum.

* Bị đơn: Ông **Trương Phú T**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Xuân T, xã Diên X, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Yến V và ông Trương Phú T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Yến V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Trương Phú Th - sinh ngày 18/5/2018. Ông T cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung nếu xét thấy cần thiết bà V, ông T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà V, ông T đều xác định không có tài sản chung.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Yên V nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (*trong đó bà V tự nguyện nộp thay cho ông T 75.000 đồng*) và bà V tự nguyện nộp thay ông T 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0007800 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D - Khánh Hòa. Do đó, bà V và ông T đã nộp đủ tiền án phí nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Các đương sự;
- UBND xã Diên X (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Tín

